

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: TTN

3. Địa chỉ các trụ sở:

STT	Loại trường	Tên trường	Địa điểm
1	Cơ sở đào tạo chính	Trường Đại học Tây Nguyên	567 Lê Duẩn, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://ttn.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02623.817.397; 096.516.4445

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh

<https://www.ttn.edu.vn/index.php/thongbao/6417-1123052501>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:

7.1. Chương trình đào tạo

<https://www.ttn.edu.vn/index.php/nganhdt/nganhdtldh>

7.2. Ngành đào tạo

<https://www.ttn.edu.vn/index.php/mthongbao/bacongkhai/ckdkdbclgd/6429-ckdkdbclgd2526>

7.3. Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý

<https://www.ttn.edu.vn/index.php/mthongbao/bacongkhai/ckdkdbclgd/6429-ckdkdbclgd2526>

7.4. Cơ sở vật chất

<https://www.ttn.edu.vn/index.php/mthongbao/bacongkhai/ckdkdbclgd/6429-ckdkdbclgd2526>

7.5. Quy mô đào tạo

<https://www.ttn.edu.vn/index.php/mthongbao/bacongkhai/ckckclgd>

7.6. Tỷ lệ sinh viên có việc làm

<https://www.ttn.edu.vn/index.php/mthongbao/bacongkhai/ckckclgd>

7.7. Kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành:

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Đối tượng dự tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học.
- Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - + Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;
 - + Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định;
 - + Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.
 - + Có văn bằng tốt nghiệp (hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời) phù hợp với điều kiện của từng ngành tuyển sinh theo quy định.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

Đối với hệ Vừa làm vừa học, Trường Đại học Tây Nguyên sử dụng các phương thức xét tuyển như bảng sau:

Mã phương thức	Phương thức xét tuyển
501	Sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa (Trung cấp)
502	Sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa (Cao đẳng)
503	Sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa (Đại học)

Trong đó:

- Phương thức 501, 502, 503: Sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa ở bậc Trung cấp, Đại học, Cao đẳng để xét tuyển. Điểm của tổ hợp xét tuyển được xác định như sau:

+ Đối với các trường hợp thí sinh có điểm trung bình chung toàn khóa tính theo hệ số 10:

Điểm tổ hợp = Điểm trung bình chung toàn khóa (hệ số 10) x 3

+ Đối với các trường hợp thí sinh có điểm trung bình chung toàn khóa tính theo hệ số 4:

Điểm tổ hợp = Điểm trung bình chung toàn khóa (hệ số 4) x 2.5 x 3

+ Đối với các trường hợp thí sinh không có (hoặc không xác định được) điểm trung bình chung toàn khóa, chỉ có xếp loại tốt nghiệp:

Điểm tổ hợp = Điểm xếp loại tốt nghiệp quy đổi x 3

Trong đó điểm xếp loại tốt nghiệp quy đổi được xác định theo bảng sau:

Xếp loại tốt nghiệp	Trung bình	Trung bình khá	Khá	Giỏi	Xuất sắc
Điểm xếp loại tốt nghiệp quy đổi	5,0	6,5	7,0	8,0	9,0

- Điểm xét tuyển được xác định theo công thức

Điểm xét tuyển = Điểm tổ hợp + Điểm ưu tiên

Trong đó, điểm ưu tiên được xác định như cách tính điểm ưu tiên trong tuyển sinh đại học hệ chính quy.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào:

Ngưỡng đầu vào hệ vừa làm vừa học là bằng nhau trong cùng một ngành (đối với tất cả các tổ hợp, phương thức xét tuyển).

3.2. Điểm trúng tuyển:

- Quy tắc quy đổi điểm trúng tuyển thực hiện như quy tắc quy đổi ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

- Trong cùng một mã xét tuyển, điểm trúng tuyển của các tổ hợp là như nhau trong cùng một phương thức xét tuyển.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	7140201VTC	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	30	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	
2	7140202VTC	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	30	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
3	7140209VTC	Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	5	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	
4	7140211VTC	Sư phạm Vật lý	7140211	Sư phạm Vật lý	10	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	
5	7140212VTC	Sư phạm Hóa học	7140212	Sư phạm Hóa học	10	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	
6	7140213VTC	Sư phạm Sinh học	7140213	Sư phạm Sinh học	15	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	
7	7140217VTC	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Sư phạm Ngữ văn	10	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	
8	7340301VTC	Kế toán	7340301	Kế toán	20	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	
9	7620110VTC	Khoa học cây trồng	7620110	Khoa học cây trồng	10	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	
10	7620205VTC	Lâm sinh	7620205	Lâm sinh	10	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	
11	7640101VTC	Thú y	7640101	Thú y	20	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	
12	7720301VTC	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	20	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	
13	7720601VTC	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	
14	7850103VTC	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	10	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	
15	7140201VCD	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	60	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	
16	7140202VCD	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	60	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	
17	7140205VCD	Giáo dục Chính trị	7140205	Giáo dục Chính trị	20	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
18	7140206VCD	Giáo dục Thể chất	7140206	Giáo dục Thể chất	30	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	
19	7140209VCD	Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	15	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	
20	7140211VCD	Sư phạm Vật lý	7140211	Sư phạm Vật lý	20	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	
21	7140212VCD	Sư phạm Hóa học	7140212	Sư phạm Hóa học	15	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	
22	7140213VCD	Sư phạm Sinh học	7140213	Sư phạm Sinh học	5	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	
23	7140217VCD	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Sư phạm Ngữ văn	15	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	
24	7140231VCD	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	30	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	
25	7340301VCD	Kế toán	7340301	Kế toán	30	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	
26	7620110VCD	Khoa học cây trồng	7620110	Khoa học cây trồng	30	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	
27	7620205VCD	Lâm sinh	7620205	Lâm sinh	30	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	
28	7640101VCD	Thú y	7640101	Thú y	20	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	
29	7720301VCD	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	40	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	
30	7720601VCD	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	30	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	
31	7850103VCD	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	10	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	
32	7220201VDH	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	50	Xét tuyển đào tạo đối với người đã có	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						bằng tốt nghiệp Đại học	
33	7229001VDH	Triết học	7229001	Triết học	20	Xét tuyển đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp Đại học	
34	7340301VDH	Kế toán	7340301	Kế toán	30	Xét tuyển đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp Đại học	
35	7620110VDH	Khoa học cây trồng	7620110	Khoa học cây trồng	30	Xét tuyển đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp Đại học	
36	7620205VDH	Lâm sinh	7620205	Lâm sinh	30	Xét tuyển đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp Đại học	
37	7640101VDH	Thú y	7640101	Thú y	10	Xét tuyển đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp Đại học	
38	7720601VDH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	30	Xét tuyển đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp Đại học	
39	7850103VDH	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	10	Xét tuyển đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp Đại học	

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

a, Điều kiện sơ tuyển

- Đối với ngành Giáo dục chính Trị: Thí sinh tốt nghiệp Trình độ Cao đẳng sư phạm ngành Sư - Giáo dục công dân hoặc ngành Giáo dục công dân;
- Đối với ngành Giáo dục mầm non: Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp từ Trung cấp trở lên ngành Giáo dục mầm non;
- Đối với ngành Giáo dục tiểu học: Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp từ Trung cấp trở lên ngành Giáo dục tiểu học;
- Đối với ngành Sư phạm Ngữ văn: Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành Sư

phạm Ngữ văn;

- Đối với ngành Giáo dục thể chất: Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành Giáo dục thể chất;

- Đối với các ngành Sư phạm Toán học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Hóa học: Thí sinh có bằng tốt nghiệp trình độ Trung cấp, Cao đẳng.

- Đối với ngành Sư phạm Tiếng Anh: Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành Sư phạm Tiếng Anh.

- Đối với ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học: Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học khối ngành Sức khỏe (đào tạo đối với người có bằng đại học trở lên) hoặc có bằng trung cấp, cao đẳng khối ngành sức khỏe (đối với đào tạo liên thông).

- Đối với ngành Kế toán: Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng khối ngành Kinh doanh và Quản lý (đối với đào tạo liên thông) hoặc có bằng tốt nghiệp đại học (đào tạo đối với người có bằng đại học trở lên).

- Đối với các ngành khác: Thí sinh có bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng (đối với đào tạo liên thông) hoặc Đại học (đào tạo đối với người có bằng đại học trở lên).

b, Điều kiện so sánh

Trường Đại học Tây Nguyên không quy định điều kiện để xác định thí sinh trúng tuyển đối với thí sinh bằng điểm, trong trường hợp thí sinh bằng điểm nhau (ở cuối danh sách), nhà trường sẽ gọi trúng tuyển đối với tất cả các thí sinh thuộc diện này.

5.2. Điểm cộng

5.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)

5.4. Các thông tin khác

* Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- Thí sinh đạt ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề khi:

+ Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên, trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

+ Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên đối với các ngành Giáo dục thể chất Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế khi đăng ký xét tuyển vào ngành Giáo dục thể chất không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

- Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển được áp dụng quy định ngưỡng đầu vào như sau:

+ Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học nhóm ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này, ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

+ Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên;

+ Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

+ Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;

+ Tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học các ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Giáo dục Thể chất, ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

+ Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,5 trở lên;

+ Tốt nghiệp THPT loại khá, hoặc có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

+ Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học đạt loại khá trở lên.

- Đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019, không áp dụng ngưỡng đầu vào.

6. Tổ chức tuyển sinh

- Nhà trường sẽ tổ chức 02 đợt tuyển sinh hệ vừa làm vừa học vào tháng 09/2025 và tháng 11/2025. Trong trường hợp số hồ sơ trong đợt tuyển sinh tháng 09/2025 thấp, không đủ điều kiện mở lớp sẽ chuyển sang đợt tháng 11/2025.

- Căn cứ vào số lượng hồ sơ dự tuyển, việc cân đối chi phí đào tạo; Lãnh đạo các Khoa xem xét, trình Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định việc tuyển sinh đối với các ngành đào tạo hệ Vừa làm vừa học.

- Cách đăng ký: Thí sinh đăng ký trực tuyến thông qua Trang thông tin điện tử của Nhà trường.

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Ưu tiên theo khu vực

a. Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.

b. Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng.

c. Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác

nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ.

d. Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

7.2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách

a. Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b. Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c. Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

7.3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

7.4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30, bao gồm cả điểm cộng theo quy định tại điểm b, phần 5) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = \frac{30 - \text{Tổng điểm đạt được}}{7,5} \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại mục 7.1 và 7.2}$$

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Lệ phí đăng ký xét tuyển: 200.000 đồng / nguyện vọng.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thí sinh trong quá trình đăng ký và xét tuyển. Đối với những sai sót khách quan do phía Nhà trường hoặc các đơn vị thu nhận hồ sơ, Nhà trường sẽ phối hợp với các đơn vị liên quan để xử lý đảm bảo quyền lợi hợp pháp của thí sinh.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
1	7140201VTC	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	40	9	15	29	4	15	
2	7140201VCD	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	70	38	15	100			
3	7140202VTC	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	40	5	15	20	1	15	
4	7140202VCD	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	20	14	15	91	4	15	
5	7140205VCD	Giáo dục Chính trị	7140205	Giáo dục Chính trị	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	30			20			
6	7140206VCD	Giáo dục Thể chất	7140206	Giáo dục Thể chất	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	35	8	15	20	5	15	
7	7140209VCD	Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	Xét tuyển liên thông từ	50	8	15	25			

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
					Cao đẳng lên đại học							
8	7140209VTC	Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học							
9	7140211VTC	Sư phạm Vật lý	7140211	Sư phạm Vật lý	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học							
10	7140211VCD	Sư phạm Vật lý	7140211	Sư phạm Vật lý	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	50	6	15	25			
11	7140212VTC	Sư phạm Hóa học	7140212	Sư phạm Hoá học	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	50			9			
12	7140212VCD	Sư phạm Hóa học	7140212	Sư phạm Hoá học	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	10	7	15	20			
13	7140213VTC	Sư phạm Sinh học	7140213	Sư phạm Sinh học	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học							

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
14	7140213VCD	Sư phạm Sinh học	7140213	Sư phạm Sinh học	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	30	2	15	25			
15	7140217VCD	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Sư phạm Ngữ văn	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	50	8	15	20			
16	7140217VTC	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Sư phạm Ngữ văn	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học							
17	7140231VCD	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	50	10	15	25			
18	7220201VDH	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp Đại học	100	20	15	100	25	15	
19	7229001VDH	Triết học	7229001	Triết học	Xét tuyển đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp Đại học	30			25			

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
20	7340301VCD	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	30	9	15	50	10	15	
21	7340301VDH	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét tuyển đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp Đại học	50	5	15	40	7	15	
22	7340301VTC	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học				30	2	15	
23	7620110VCD	Khoa học cây trồng	7620110	Khoa học cây trồng	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	20			20			
24	7620110VTC	Khoa học cây trồng	7620110	Khoa học cây trồng	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	20			20		15	
25	7620110VDH	Khoa học cây trồng	7620110	Khoa học cây trồng	Xét tuyển đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp Đại học	20			20			

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
26	7620205VDH	Lâm sinh	7620205	Lâm sinh	Xét tuyển đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp Đại học	20			20			
27	7620205VCD	Lâm sinh	7620205	Lâm sinh	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	20			20			
28	7620205VTC	Lâm sinh	7620205	Lâm sinh	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	20			20		15	
29	7640101VDH	Thú y	7640101	Thú y	Xét tuyển đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp Đại học	15	5	15	5	3	15	
30	7640101VCD	Thú y	7640101	Thú y	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	30	5	15	10	9	15	
31	7640101VTC	Thú y	7640101	Thú y	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	15	34	15	40	9	15	

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
32	7720301VTC	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	10	8	15	50	8	15	
33	7720301VCD	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	30	7	15	60	7	15	
34	7720601VDH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Xét tuyển đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp Đại học			15	0			
35	7720601VTC	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	20	13	15	50	1	15	
36	7720601VCD	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	40	43	15	60	10	15	
37	7850103VDH	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	Xét tuyển đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp Đại học	15			5	3	15	

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
38	7850103VTC	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	Xét tuyển liên thông từ Trung cấp lên đại học	20	0	15	14			
39	7850103VCD	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	Xét tuyển liên thông từ Cao đẳng lên đại học	15			10	3	15	

Cán bộ tuyển sinh

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trung Hiếu
Điện thoại: 0822.682.773
Email: nthieu@ttn.edu.vn

TS. Nguyễn Thanh Trúc

Nơi nhận:

- Chủ tịch Hội đồng Trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Các Khoa;
- Trung tâm Công nghệ Thông tin và Thư viện (Đăng Website);
- Lưu VT, ĐT.